TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
QUẬN S – TP Đ	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 279/2024/QĐST-HNGĐ	*S, ngày 22 tháng 11 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S – TP Đ

Căn cứ: Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số: 279/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2024 về việc yêu cầu: *"Công nhận thuận tình ly hôn"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:*

- Ông **Bùi Đức B**, sinh năm: 1968; Trú tại: 78 Nguyễn Thiện K, phường A, quận S, thành phố Đ.

- Bà **Nguyễn Thị Ánh T**, sinh năm: 1972; Trú tại: 78 Nguyễn Thiện K, phường A, quận S, thành phố Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về thủ tục:** Đơn yêu cầu của ông Bùi Đức B và Nguyễn Thị Ánh T nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về nội dung:** Ông Bùi Đức B và Bà Nguyễn Thị Ánh T đăng ký kết hôn tại UBND phường A, quận S, thành phố Đ vào năm 2024. Hôn nhân tự nguyện. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại phiên hòa giải ông Bùi Đức B và Bà Nguyễn Thị Ánh T xác định: Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã. Mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy tình cảm của cả hai đã không còn, không thể chung sống với nhau được nữa. Vì vậy ông, bà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn cho ông, bà.

[3] Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông Bùi Đức B và Bà Nguyễn Thị Ánh T thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng giữa ông B và bà T lại không làm được điều này. Tại phiên hòa giải thì ông B và bà T đều xác định không còn tình cảm với nhau. Xét thấy, hiện mâu thuẫn của ông B và bà T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông B và bà T là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Tại phiên hòa giải, ông Bùi Đức B và Bà Nguyễn Thị Ánh T xác định có 03 con chung là Bùi Thị Ánh M, sinh ngày 02 tháng 4 năm 1991; Bùi Đức H, sinh ngày 31 tháng 5 năm 1995 và Bùi Thị Minh T1, sinh ngày 22 tháng 6 năm 2007. Ly hôn, ông B và bà T thống nhất và thỏa thuận giao 01 con chung Bùi Thị Minh T1 cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông B không có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con. Đối với 02 con chung Bùi Thị Ánh M và Bùi Đức H đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét yêu cầu về việc nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung của ông Bùi Đức B và Bà Nguyễn Thị Ánh T là thỏa thuận tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận yêu cầu của ông Bùi Đức B và Bà Nguyễn Thị Ánh T.

[5] Về tài sản chung: Tại phiên hòa giải, ông Bùi Đức B và Bà Nguyễn Thị Ánh T xác định tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Tại phiên hòa giải, ông Bùi Đức B và Bà Nguyễn Thị Ánh T xác định không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Về lệ phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng, ông Bùi Đức B và Bà Nguyễn Thị Ánh T phải chịu. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng do ông Bùi Đức B và Bà Nguyễn Thị Ánh T đã nộp tại biên lai thu số 0003050 ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận S.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 14 tháng 11 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó theo quy định tại Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Bùi Đức B và Bà Nguyễn Thị Ánh T**.** *(Do công nhận thuận tình ly hôn giữa ông ông Bùi Đức B và Bà Nguyễn Thị Ánh T nên Giấy chứng nhận kết hôn số: 56 do Ủy ban nhân dân phường A, quận S, thành phố Đ cấp ngày 21/02/2024 không còn giá trị pháp lý)*.

- Về quan hệ con chung: Ông Bùi Đức B và Bà Nguyễn Thị Ánh T xác định có 03 con chung là Bùi Thị Ánh M, sinh ngày 02 tháng 4 năm 1991; Bùi Đức H, sinh ngày 31 tháng 5 năm 1995 và Bùi Thị Minh T1, sinh ngày 22 tháng 6 năm 2007. Ly hôn, ông B và bà T thống nhất và thỏa thuận giao 01 con chung Bùi Thị Minh T1 cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông B không có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con. Đối với 02 con chung Bùi Thị Ánh M và Bùi Đức H đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đều có quyền yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Ông Bùi Đức B và Bà Nguyễn Thị Ánh T xác định tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Bùi Đức B và Bà Nguyễn Thị Ánh T xác định không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng, ông Bùi Đức B và Bà Nguyễn Thị Ánh T phải chịu. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng do ông Bùi Đức B và Bà Nguyễn Thị Ánh T đã nộp tại biên lai thu số 0003050 ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận S.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận S;
- UBND phường A;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Dương Thị Kim Nhung